

Số: 45/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 21 tháng 7 năm 2026

NGHỊ QUYẾT
Về hoạt động chất vấn và trả lời chất vấn tại Kỳ họp thứ hai
Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVI

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XVI, KỲ HỌP THỨ 2

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân số 121/2025/QH15 ngày 10/12/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 114/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân về hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân;

Sau khi nghe chất vấn và trả lời chất vấn tại Kỳ họp thứ Hai, Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVI, nhiệm kỳ 2026 - 2031,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Đánh giá kết quả hoạt động chất vấn và trả lời chất vấn

Tại Kỳ họp thứ hai, Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVI đã tiến hành chất vấn trực tiếp đối với 04 nội dung thuộc các lĩnh vực: Phòng, chống và kiểm soát ma túy; quản lý nhà nước về đất đai, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân; bảo vệ môi trường, phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn; triển khai các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp. Đồng thời, Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét kết quả trả lời chất vấn bằng văn bản đối với 02 nội dung về thực hiện chính sách hỗ trợ túi thuốc y tế cho các bản đặc biệt khó khăn và quản lý, sử dụng đất có nguồn gốc nông, lâm trường.

Hội đồng nhân dân tỉnh ghi nhận tinh thần nghiêm túc, trách nhiệm, cầu thị của lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh, các thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh, thủ trưởng các cơ quan được chất vấn. Nội dung trả lời cơ bản đã tập trung làm rõ thực trạng, nguyên nhân, trách nhiệm; thẳng thắn nhìn nhận những tồn tại, hạn chế và đề ra nhiệm vụ, giải pháp, lộ trình thực hiện.

Tuy nhiên, qua chất vấn cho thấy kết quả thực hiện một số cơ chế, chính sách còn chậm; chưa đạt mục tiêu, yêu cầu đề ra; công tác phối hợp, kiểm tra, đôn đốc có mặt chưa chặt chẽ; trách nhiệm của một số cơ quan, đơn vị, địa phương và

người đứng đầu chưa được giao thực hiện cơ chế, chính sách chưa cao, còn chính sách sau khi ban hành khó thực hiện, tỷ lệ giải ngân thấp, đối tượng thụ hưởng khó tiếp cận. Còn có nội dung trả lời chưa lượng hóa cụ thể kết quả, tiến độ và thời hạn hoàn thành.

Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh, thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và địa phương liên quan nghiêm túc thực hiện các nội dung đã cam kết; cụ thể hóa nhiệm vụ theo yêu cầu rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm, rõ thẩm quyền; xác định cụ thể cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, sản phẩm phải hoàn thành; tạo chuyển biến thực chất sau chất vấn.

Điều 2. Đối với các nội dung chất vấn trực tiếp tại Kỳ họp thứ hai

1. Về công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy

Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Công an tỉnh tiếp tục phát huy vai trò nòng cốt, chủ động tham mưu và tổ chức thực hiện đồng bộ, quyết liệt các nhiệm vụ, giải pháp phòng, chống và kiểm soát ma túy; cụ thể hóa các mục tiêu, chỉ tiêu đã được Trung ương và tỉnh giao, xác định bằng chương trình, kế hoạch, tiến độ và kết quả thực hiện.

Huy động cả hệ thống chính trị vào cuộc để tập trung hoàn thành chỉ tiêu đến năm 2030 có ít nhất 50% số xã, phường không ma túy theo Quyết định số 2942/QĐ-BCA ngày 21 tháng 5 năm 2026 của Bộ Công an; đồng thời tiếp tục phấn đấu xây dựng 100% xã, phường không ma túy, tiến tới xây dựng tỉnh Sơn La không ma túy vào năm 2030 theo chủ trương của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

Thường xuyên rà soát, phát hiện, thống kê, quản lý chặt chẽ theo quy định người nghiện, người sử dụng trái phép chất ma túy, người sau cai nghiện ma túy; thực hiện phương châm “*rõ người, rõ hộ, rõ địa bàn, rõ trách nhiệm*”; kịp thời điều chỉnh phương án quản lý sau khi sắp xếp, sáp nhập thôn, bản. Tập trung xác định rõ địa bàn, tuyến và nhánh nguy cơ cao kết hợp với cai nghiện và quản lý sau cai. Nâng cao hiệu quả cai nghiện, quản lý sau cai nghiện, hỗ trợ học nghề, tạo việc làm, sinh kế và tái hòa nhập cộng đồng.

Rà soát, phân loại địa bàn theo mức độ phức tạp; xây dựng lộ trình chuyển hóa từng địa bàn; ưu tiên nguồn lực cho các xã trọng điểm, địa bàn biên giới, khu vực đặc biệt khó khăn. Duy trì bền vững địa bàn đã được công nhận không ma túy; đấu tranh, triệt phá các đường dây, điểm tổ chức, chứa chấp sử dụng trái phép chất ma túy, không để phát sinh “*điểm nóng*” về ma túy. Gắn kết quả xây dựng xã, phường không ma túy với trách nhiệm và đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương. Kịp thời báo cáo, đề xuất giải quyết những khó khăn, vướng mắc với cấp có thẩm quyền để hoàn thành mục tiêu, chỉ tiêu đề ra.

2. Về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân

Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, địa phương khẩn trương rà soát, thống kê chính xác số trường hợp chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên phạm vi toàn tỉnh;

hoàn thành việc rà soát, thống kê chính thức và xây dựng kế hoạch giải quyết trong năm 2026.

Kết quả rà soát phải phân loại cụ thể theo từng địa bàn và từng nhóm (*đủ điều kiện nhưng chưa được cấp; hồ sơ chưa đầy đủ; có tranh chấp; có vi phạm pháp luật về đất đai; vướng mắc về nguồn gốc, quy hoạch, nghĩa vụ tài chính, hồ sơ địa chính hoặc lịch sử quản lý; trường hợp không đủ điều kiện cấp*) và xác định rõ nguyên nhân và trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, địa phương và cá nhân có liên quan.

Trên cơ sở kết quả rà soát, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch, giải pháp cụ thể, bảo đảm rõ nhiệm vụ, trách nhiệm, thời hạn và kết quả thực hiện.

Đối với trường hợp đủ điều kiện, tập trung giải quyết, không để hồ sơ tồn đọng do chậm trễ, đùn đẩy trách nhiệm hoặc phối hợp thiếu chặt chẽ giữa các cơ quan nhà nước. Đối với trường hợp chưa đủ điều kiện, hướng dẫn cụ thể để người dân hoàn thiện hồ sơ theo quy định. Đối với trường hợp có tranh chấp, vi phạm hoặc vướng mắc do lịch sử quản lý, phải phân loại, xử lý đúng thẩm quyền, đúng quy định; không hợp thức hóa vi phạm nhưng không né tránh trách nhiệm giải quyết các tồn tại do quá trình quản lý để lại.

Khẩn trương hoàn thành việc ban hành quy định về trình tự, thủ tục hành chính về đất đai theo khoản 1 Điều 15 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ; đẩy nhanh tiến độ đo đạc, chỉnh lý bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận và xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai.

Báo cáo kết quả để Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh theo dõi, giám sát; trong đó phải làm rõ số trường hợp đã giải quyết, số trường hợp còn tồn đọng, nguyên nhân và trách nhiệm.

3. Về phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn

Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường rà soát toàn diện công tác quản lý Nhà nước về phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn tỉnh; đánh giá cụ thể điều kiện thu gom, phương tiện vận chuyển và phương thức xử lý tại từng địa bàn đang triển khai.

Phân loại rõ địa bàn đã triển khai; địa bàn bảo đảm và chưa bảo đảm điều kiện thu gom, vận chuyển, xử lý; khắc phục tình trạng người dân thực hiện phân loại nhưng chất thải sau đó vẫn được thu gom, vận chuyển hoặc xử lý chung, gây lãng phí nguồn lực và ảnh hưởng đến niềm tin, sự đồng thuận của Nhân dân.

Rà soát, xây dựng lộ trình từng bước triển khai phân loại chất thải rắn sinh hoạt đồng bộ, thống nhất trên địa bàn toàn tỉnh, ưu tiên triển khai trước đối với những khu vực có đủ điều kiện về hạ tầng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt. Xác định rõ trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Tài chính, chính quyền cấp xã, đơn vị thu gom, vận chuyển và cơ sở xử lý.

Tăng cường kiểm tra, đôn đốc; công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt; xác định trách nhiệm của tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan; xử lý hoặc kiến nghị xử lý theo thẩm quyền đối với trường hợp không thực hiện đầy đủ trách nhiệm.

Cụ thể hóa các nhiệm vụ, giải pháp bằng chỉ tiêu, tiến độ và kết quả đánh giá hằng năm, làm cơ sở để Hội đồng nhân dân tỉnh theo dõi, giám sát.

4. Về triển khai các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp

a) Đối với chính sách hỗ trợ phát triển vùng nguyên liệu rau, củ, quả theo Nghị quyết số 50/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh

Ủy ban nhân dân tỉnh nghiêm túc rút kinh nghiệm trong công tác tham mưu xây dựng và tổ chức thực hiện Nghị quyết số 50/2022/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh. Khi xây dựng chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp trong giai đoạn tiếp theo phải bảo đảm việc khảo sát, đánh giá tác động được thực hiện đầy đủ; tiêu chí, điều kiện hỗ trợ sát với thực tiễn; nguồn lực được xác định ngay từ khi xây dựng chính sách; cơ chế tổ chức thực hiện khả thi; xác định rõ trách nhiệm của cơ quan tham mưu, cơ quan tổ chức thực hiện và người đứng đầu; không để tiếp tục xảy ra tình trạng chính sách được ban hành nhưng người dân không tiếp cận được, có nhu cầu nhưng không bố trí được nguồn lực hoặc đã bố trí kinh phí nhưng không triển khai, không giải ngân.

b) Đối với chính sách hỗ trợ phát triển chăn nuôi đại gia súc theo Nghị quyết số 75/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh

Nghiêm túc đánh giá, rút kinh nghiệm trong công tác tham mưu xây dựng và tổ chức thực hiện Nghị quyết số 75/2023/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh, đã được bãi bỏ theo Nghị quyết số 02/2026/NQ-HĐND; nhất là những bất cập về tổ chức, điều hành, về quy mô đàn, diện tích trồng cỏ, thủ tục hồ sơ, thời điểm phân bổ kinh phí và sự phù hợp với mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

Khi nghiên cứu, đề xuất chính sách hỗ trợ phát triển chăn nuôi trong giai đoạn tiếp theo phải phù hợp với điều kiện thực tiễn, bảo đảm sát với quy mô, điều kiện sản xuất thực tế của người dân, nhất là tại địa bàn đặc biệt khó khăn; điều kiện hỗ trợ khả thi, thủ tục đơn giản, tạo điều kiện để người dân tiếp cận, thụ hưởng chính sách; đồng thời phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp và khả năng cân đối nguồn lực; không trùng lặp với chính sách của Trung ương.

c) Đối với chính sách hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi theo Nghị quyết số 57/2023/NQ-HĐND ngày 18 tháng 4 năm 2023 và Nghị quyết số 84/2024/NQ-HĐND ngày 14 tháng 6 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh

Ủy ban nhân dân tỉnh khẩn trương rà soát, phân loại toàn bộ 2.409 cơ sở thuộc diện phải di dời; trong đó làm rõ 07 cơ sở đã hoàn thành di dời và được hỗ trợ, 1.236 cơ sở đã ký cam kết dừng chăn nuôi, 1.173 cơ sở chưa ký cam kết và đang tiếp tục hoạt động; xác định nguyên nhân, trách nhiệm và giải pháp xử lý đối với từng nhóm cơ sở.

Trong năm 2026, hoàn thành việc rà soát, cập nhật khu vực không được phép chăn nuôi phù hợp với địa giới hành chính mới, quy hoạch phát triển đô thị, khu dân cư và tình hình thực tế; hoàn thiện hồ sơ, trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành nghị quyết quy định khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh theo quy định.

Đối với chính sách hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi, tổ chức thực hiện trực tiếp theo quy định tại Nghị định số 106/2024/NĐ-CP của Chính phủ và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có); không ban hành chính sách địa phương trùng lặp với chính sách của Trung ương.

Từ năm 2027, tập trung tháo gỡ vướng mắc về đất đai, quy hoạch, môi trường đối với các cơ sở đã cam kết di dời; tăng cường kiểm tra, đôn đốc và xử lý nghiêm theo quy định đối với trường hợp không chấp hành. Xác định và xử lý trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương để xảy ra chậm trễ, đùn đẩy trách nhiệm trong tổ chức thực hiện.

Ủy ban nhân dân tỉnh gắn kết quả thực hiện, tỷ lệ giải ngân và số đối tượng thực tế được thụ hưởng chính sách với trách nhiệm của cơ quan tham mưu, cơ quan tổ chức thực hiện, địa phương và người đứng đầu; kịp thời rà soát, đề xuất xử lý các bất cập phát sinh, bảo đảm các chính sách của Hội đồng nhân dân tỉnh sau khi ban hành được tổ chức thực hiện hiệu quả, khả thi và phù hợp với thực tiễn.

Điều 3. Đối với các nội dung chất vấn bằng văn bản tại Kỳ họp thứ hai

Hội đồng nhân dân tỉnh đã thống nhất gửi nội dung chất vấn và nội dung trả lời chất vấn bằng văn bản đối với 02 nội dung thuộc lĩnh vực y tế và lĩnh vực đất đai về quản lý, sử dụng đất có nguồn gốc nông, lâm trường. Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh và các cá nhân trả lời chất vấn bằng văn bản thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các nội dung đã trả lời và các cam kết đã nêu trong Báo cáo số 482/BC-UBND ngày 13/7/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh và Báo cáo số 531/BC-SYT ngày 09/7/2026 của Sở Y tế.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ theo dõi, giám sát việc thực hiện các nội dung trả lời chất vấn bằng văn bản theo quy định tại Điều 25 Nghị quyết số 114/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh; các thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh; thủ trưởng các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị và địa phương có liên quan, theo chức năng, nhiệm vụ được giao, tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc Nghị quyết này.

Người trả lời chất vấn trực tiếp và người trả lời chất vấn bằng văn bản chịu trách nhiệm về các nội dung đã trả lời, cam kết trước Hội đồng nhân dân tỉnh; tổ chức thực hiện đầy đủ, đúng tiến độ các nhiệm vụ, giải pháp được giao tại Nghị quyết này và báo cáo kết quả thực hiện về Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trước ngày 30/10/2026.

Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo rà soát, tổng hợp các nhiệm vụ, giải pháp và nội dung cam kết tại phiên chất vấn; cụ thể hóa thành kế hoạch tổ chức thực hiện, xác định rõ cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, tiến độ, thời hạn và kết quả phải hoàn thành; người chịu trách nhiệm và sản phẩm đầu ra của từng nhiệm vụ; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện. Tổng hợp, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả thực hiện Nghị quyết tại kỳ họp thường lệ cuối năm 2026.

Đối với các nhiệm vụ có thời hạn thực hiện sau năm 2026 hoặc chưa hoàn thành tại thời điểm báo cáo, cơ quan, người có trách nhiệm tiếp tục tổ chức thực hiện, định kỳ 6 tháng báo cáo kết quả, tiến độ và những khó khăn, vướng mắc về Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh để theo dõi, giám sát cho đến khi hoàn thành.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; theo dõi việc thực hiện các cam kết của người trả lời chất vấn.

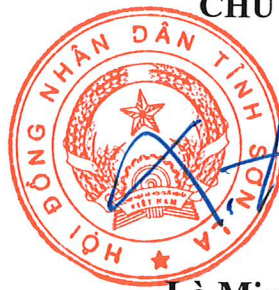
Kết quả thực hiện Nghị quyết và các nội dung đã cam kết là căn cứ để Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, đánh giá trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, người đứng đầu; xem xét tổ chức giải trình, chất vấn hoặc đưa vào chương trình giám sát khi cần thiết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVI, Kỳ họp thứ hai thông qua ngày 21 tháng 7 năm 2026 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu Quốc hội;
- Ủy ban Dân nguyện và Giám sát của Quốc hội;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- UBND tỉnh; Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy, HĐND, UBND các xã, phường;
- Trung tâm Thông tin-Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm Lưu trữ, việc làm, người có công tỉnh;
- Lưu: VT, VP.

CHỦ TỊCH



Lò Minh Hùng